

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27/3/2025

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dầm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Hồng Nho;

2. Bà Văng Thảo Hiền.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Huynh – là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Hoàng Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 405/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ A, ấp V, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lâm Văn P1, sinh năm 1986; nơi trú trú: Tổ A, ấp V, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày và yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh P1 tự tìm hiểu quen biết nhau, tiến hành tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (theo giấy chứng nhận kết hôn số 244/2012, quyển số 02 ngày 14/11/2012 do UBND xã C, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho Lâm Văn P1 và Nguyễn Thị P). Cuộc sống của vợ chồng kể từ khi kết hôn đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, anh P1 bỏ nhà đi

đến năm 2022 trở về, chị P cho anh cơ hội hàn gắn chung sống lại nhau. Sau đó, anh P1 không lo làm ăn để chăm sóc gia đình, vướng vào cờ bạc trên mạng và gây nợ cho chị P, kể từ đầu năm 2024 chị P và anh P1 không còn chung sống đến nay. Nay chị P nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn sống chung với nhau được và xin ly hôn với anh P1.

- Về con chung: Chị P và anh P1 có 01 (một) con chung tên Lâm Chí T, sinh ngày 26/10/2010, hiện cháu T đang sống với chị P. Khi ly hôn chị P yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh P1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 1164/TB-TLVA ngày 30/10/2024; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 05/TB-TA ngày 23/01/2025, số 1144/TB-TA ngày 04/12/2024 và các văn bản tố tụng khác cho anh Lâm Văn P1 nhưng anh P1 vắng mặt tham gia tố tụng tại Tòa án và không cung cấp văn bản ý kiến phản hồi cho Tòa án và tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có).

- Ngày 11/12/2024, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu có đến nơi cư trú anh P1 để lấy lời khai nhưng không thực hiện được, lý do anh P1 không có mặt tại địa phương; biên bản xác minh ngày 11/12/2024 của Tòa án tại Công an xã C, thị xã T, tỉnh An Giang xác nhận anh Lâm Văn P1 có nơi cư trú ấp V, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang; cùng ngày, qua biên bản xác minh của Tòa án tại ấp V, xã C, cho biết, anh Lâm Văn P1 có nơi cư trú theo địa chỉ như đã nêu trên, hiện không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì, mâu thuẫn giữa anh P1 với chị P xảy ra Ban ấp không biết do không trình báo, được biết anh P1 và chị P có 01 con chung hiện đang sinh sống tại địa phương cùng với chị P.

- Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 25/12/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu đối với cháu Lâm Chí T, sinh ngày 26/10/2010 (có sự giám hộ của chị Nguyễn Thị P). Cháu Lâm Chí T có trình bày nguyện vọng sống chung với mẹ là bà Nguyễn Thị P khi cha, mẹ cháu ly hôn.

Tại phiên tòa, anh P1 vắng mặt; chị P giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh P1.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48; Điều 203; Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Lâm Văn P1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Lâm Văn P1.

- Về con chung: Chị P và anh P1 có 01 (một) con chung tên Lâm Chí T, sinh ngày 26/10/2010, cháu T đang sống với chị P. Chị P được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T đến khi trưởng thành và có khả năng lao động. Anh P1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị P trình bày không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Chị Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lâm Văn P1 có địa chỉ cư trú tại: Tổ A, ấp V, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn anh Lâm Văn P1 đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh P1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thị xã T, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số giấy chứng nhận kết hôn số 244/2012, quyển số 02 ngày 14/11/2012. Hôn nhân giữa chị P và anh P1 là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị P khai: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022, anh P1 bỏ nhà đi đến năm 2022 trở về, chị P cho anh cơ hội hàn gắn chung sống lại nhau. Sau đó, anh P1 không lo làm ăn để chăm sóc gia đình, vướng vào cờ bạc trên mạng và gây nợ cho chị P, kể từ đầu năm 2024 chị P và anh P1 không còn chung sống

đến nay. Nay chị P nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn sống chung với nhau được và xin ly hôn với anh P1.

Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị P và anh P1 hàn gắn tình cảm, nhưng anh P1 vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng chị P và anh P1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì không thể xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho chị P ly hôn với anh P1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nuôi con chung: Chị P và anh P1 có 01 (một) con chung tên Lâm Chí T, sinh ngày 26/10/2010, hiện cháu T đang sống với chị P. Chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T cho đến khi trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu anh P1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Cháu Lâm Chí T có trình bày nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà Nguyễn Thị P khi cha, mẹ cháu ly hôn.

Để đảm bảo môi trường sống của cháu T không bị xáo trộn và quyền lợi mọi mặt của của con, chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung Lâm Chí T, sinh ngày 26/10/2010, không yêu cầu anh P1 cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị P trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này giữa chị P và anh P1 có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Lâm Văn P1.

2. *Về nuôi con chung*: Chị Nguyễn Thị P được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lâm Chí T, sinh ngày 26/10/2010 cho đến khi trưởng thành và có khả năng lao động, anh Lâm Văn P1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lâm Văn P1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3 *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008777 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Chị Nguyễn Thị P đã nộp đủ án phí. Anh Lâm Văn P1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lâm Văn P1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tân Châu;
- Chi cục THADS thị xã Tân Châu;
- UBND xã Châu Phong, thị xã Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Dãm